

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
Trình độ đào tạo: Đại học

1. Thông tin chung về học phần

Tên học phần: Phát triển du lịch bền vững		Mã học phần: 127030
Tên tiếng Việt: Phát triển du lịch bền vững Tên tiếng Anh: Sustainable tourism development		
Học phần: <input checked="" type="checkbox"/> Bắt buộc <input type="checkbox"/> Tự chọn		
Thuộc khối kiến thức hoặc kỹ năng: <input type="checkbox"/> Giáo dục đại cương; <input checked="" type="checkbox"/> Giáo dục chuyên nghiệp		
<input type="checkbox"/> Kiến thức bổ trợ <input type="checkbox"/> Đồ án/Khóa luận tốt nghiệp		
Số tín chỉ: 2		
Số tiết lý thuyết: 18	Số tiết thảo luận, bài tập: 18	
Số tiết thực hành: 6	Số tiết tự học: 90	
Số tiết các hoạt động khác:		
Học phần tiên quyết:	Không	
Học phần kế tiếp:	Không	
Bộ môn quản lý học phần	Du lịch	

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Địa chỉ liên hệ	Điện thoại, Email	Ghi chú
1	TS. Trịnh Thị Phan	BM Địa lí	0915.244.855 trinhthiphan@hdu.edu.vn	Phụ trách
2	Ths. Dương Thị Hiền	BM VNHDL	0967 932 977 duongthihien@hdu.edu.vn	Tham gia
3	Ths. Vũ Thị Phương	BM Địa lí	0917.532.935 vuthiphuong@hdu.edu.vn	Tham gia

3. Mô tả tóm tắt học phần

Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về du lịch bền vững (khái niệm, mục tiêu, nguyên tắc, tiêu chí), phân biệt giữa du lịch bền vững và du lịch có trách nhiệm; vai trò, trách nhiệm của các bên liên quan trong phát triển du lịch bền vững; marketing trong du lịch bền vững; các chiến lược quản lý du khách tại điểm đến; phương pháp lập kế hoạch phát triển du lịch bền vững. Người học được hoàn thiện các kỹ năng mô tả, chứng minh được sự phát triển bền vững của một điểm đến hoặc một dự án du lịch; chỉ rõ được sự khác biệt giữa du lịch bền vững và du lịch có trách nhiệm, chỉ rõ chiến lược marketing bền vững của các tổ chức quản lý điểm đến, các doanh nghiệp du lịch; xây dựng được kế hoạch phát triển du lịch bền vững tại một điểm đến hoặc một địa phương.

4. Chuẩn đầu ra của học phần

CDR HP (CLO_x)	Mô tả chi tiết CDR HP	CDR CTĐT liên quan (PLO)
Kiến thức		
CLO1.1	SV nhận biết và hiểu được cơ sở lý thuyết của PT DLBV	PLO6
CLO1.2	Vận dụng cơ sở lý thuyết để phân tích được mục tiêu, chiến lược và quy trình đối với các nội dung trong PTDLBV: quy hoạch, quản lý và marketing của một điểm đến hoặc một doanh nghiệp du lịch	PLO6
Kỹ năng		
CLO2.1	Thành thạo kỹ năng thu thập dữ liệu, thông tin và viết báo cáo phân tích mức độ PTDL của điểm đến và các yếu tố ảnh hưởng đến PTDLBV.	PLO6
CLO2.2	Lập KH và trình bày kế hoạch phát triển DLBV cho điểm đến hay doanh nghiệp du lịch	PLO11
Mức tự chủ và trách nhiệm		
CLO3.1	Phát triển năng lực tự học, tự tích lũy kiến thức, kinh nghiệm, hợp tác nhóm, tổ chức nhóm; nâng cao nhận thức về mối quan hệ giữa hoạt động du lịch với môi trường, tài nguyên và xã hội	PLO13

5. Giáo trình/tài liệu tham khảo

Giáo trình/Bộ giáo trình bắt buộc

[1]. Nguyễn Đình Hòa, Vũ Văn Hiếu (2001), *Du lịch bền vững*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.

Tài liệu/Bộ tài liệu tham khảo

[2]. Phạm Trung Lương (2002), *Du lịch sinh thái - những vấn đề lý luận và thực tiễn ở Việt Nam*, Nxb Giáo dục

[3]. Trần Đức Thanh – Phạm Hồng Long – Vũ Hương Lan (2022), *Nhập môn du lịch*. NXB Đại học QGHN.

6. Đánh giá kết quả học tập

STT	Hình thức, phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CDR HP liên quan	Trọng số
I. Kiểm tra thường xuyên (04)				
1	Vấn đáp	Rubric đánh giá vấn đáp	CLO1.1	30%
2	Kiểm tra viết tự luận	Đáp án đề kiểm tra tự luận	CLO1.2 CLO2.1	
3	Chuyên cần	Rubric chuyên cần	CLO3.1	
4	Bài thảo luận nhóm	Rubric đánh giá thảo luận nhóm	CLO1.2 CLO2.1	

			CLO2.2	
5	Thuyết trình	Rubric đánh giá thuyết trình	CLO2.2 CLO3.1	
II. Kiểm tra giữa kỳ (01)				
1	Viết tự luận	Đáp án đề kiểm tra tự luận	CLO1.2 CLO2.1 CLO3.1	20%
III. Thi cuối kì (01)				
1	Vấn đáp	Rubric đánh giá vấn đáp	CLO1.1 CLO1.2 CLO2.2 CLO3.1	50%
2	Bài tập lớn theo quy định	Rubric đánh giá bài tập lớn		

7. Nội dung và hình thức tổ chức dạy học

Giảng viên xây dựng nội dung và hình thức tổ chức dạy học theo từng chương của học phần,

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học học phần						Đáp ứng CDR HP	Tài liệu tham khảo	Yêu cầu SV chuẩn bị
	LT	BT/ TL	Thực hành	Khác	Tự học	KT – ĐG			
Nội dung 1 Tổng quan về du lịch bền vững - Khái niệm phát triển DLBV - Tiêu chí đánh giá PTDLBV - Vai trò của các bên liên quan trong PTDLBV		4	5	0	15	KT-ĐGT X BTN 1	CLO1.1 CLO1.2 CLO2.1 CLO2.2 CLO3.1	[1], [2], [3]	- Sinh viên đọc trước nội dung bài học - Chuẩn bị làm bài tập nhóm
Nội dung 2- Những vấn đề lý thuyết về quy hoạch du lịch bền vững - Đánh giá SWOT trong quy hoạch DLBV - Chính sách đối với QH DLBV - Quy hoạch du lịch bền vững quốc gia và vùng - Quy hoạch du lịch bền vững địa phương và điểm đến		5	5	0	15	KT-ĐGT X BTC N1 KTG K	CLO1.1 CLO1.2 CLO2.1 CLO2.2 CLO3.1	[1], [2] [3]	- Sinh viên đọc trước nội dung bài học - Chuẩn bị làm bài tập cá nhân 1 Làm bài Kiểm tra giữa kỳ
Nội dung 3: Quản lý du lịch bền vững	5	4	2	0	20	KT-ĐGT	CLO1.1 CLO1.2	[1], [2], [3]	- Sinh viên đọc trước nội dung

- Khái quát chung về quản lý du lịch - Quản lý nhân lực trong du lịch bền vững						X BTC N2	2 CLO2. 1 CLO2. 2 CLO3. 1		bài học - Chuẩn bị làm bài tập cá nhân
Nội dung 4: Marketing du lịch bền vững - Marketing và marketing trong du lịch - Marketing trong du lịch bền vững	2	2	2		20	KT- ĐGT X BTN 2	CLO1. 1 CLO1. 2 CLO2. 1 CLO2. 2 CLO3. 1	[1], [2], [3]	- Sinh viên đọc trước nội dung bài học - Chuẩn bị làm bài tập nhóm
Nội dung 5: Kinh nghiệm và một số giải pháp phát triển DLBV Kinh nghiệm PTDLBV ở các quốc gia và vùng lãnh thổ + Ở một số quốc gia phát triển + Ở một số quốc gia đang phát triển Giải pháp phát triển DLBV + Giải pháp quy hoạch + Giải pháp quản lý + Giải pháp marketing	2	2	2	0	20	KT- ĐGT X BTN 3	CLO1. 1 CLO1. 2 CLO2. 1 CLO2. 2 CLO3. 1	[1], [2], [3]	- Sinh viên đọc trước nội dung bài học - Chuẩn bị làm bài tập nhóm
	18	18	6	0	90				

8. Quy định đối với sinh viên:

- Lên lớp tối thiểu 80% số tiết của chương trình đào tạo môn học theo thời khóa biểu.
- Làm bài tập về nhà đầy đủ.
- Tích cực đóng góp ý kiến xây dựng bài.
- Làm đầy đủ các bài kiểm tra theo quy định, cụ thể: 04 bài kiểm tra thường xuyên và 01 bài kiểm tra giữa kỳ.
- Chuẩn bị đầy đủ các giáo trình phục vụ môn học.

9. Các yêu cầu khác của giảng viên

- Trước khi lên lớp, sinh viên (SV) phải chuẩn bị đầy đủ tài liệu học tập và làm đầy đủ bài tập theo yêu cầu của giảng viên.
- Trên lớp, SV phải chú ý nghe giảng và tích cực đóng góp kiến xây dựng bài.
- Ở nhà, SV phải tích cực tự học, tự nghiên cứu để hoàn thành tốt môn học.

Ngày 08 tháng 12 năm 2022

Duyệt (Khoa)



Mai Văn Tùng

Thanh Hóa, ngày 30 tháng 11 năm 2022

Trưởng bộ môn

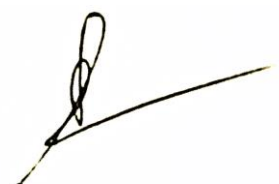
(Kí tên)



Lê Kim Dung

Giảng viên

(Kí tên)



Trịnh Thị Phan

10. Tiến trình cập nhật đề cương chi tiết học phần

Cập nhật ĐCCTHP lần 1 Ngày tháng 12 năm 2021	Người cập nhật Trịnh Thị Phan
Cập nhật ĐCCTHP lần 2 Ngày tháng 12 năm 2022	Người cập nhật Trịnh Thị Phan

Ghi chú: ĐC CTHP do GV biên soạn, Bộ môn góp ý và tổ chức thẩm định, Trưởng khoa thẩm định và phê duyệt; ĐC CTHP được cung cấp cho sinh viên ngay từ đầu buổi học đầu tiên của học phần. Giảng viên phải giải thích thêm cho sinh viên trong giờ học đầu tiên và trong suốt quá trình dạy học bộ môn.

PHỤ LỤC: CÁC RUBRIC ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP

1. Rubric đánh giá chuyên cần

Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt <4.0	Đạt 4.0-5.9	Khá 6.0-7.9	Tốt 8.0-10
Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học	5,0	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Chủ động thực hiện, đáp ứng < 50% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động thực hiện, đạt 50 - 64% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động thực hiện, đạt 65 - 79% nhiệm vụ học tập được giao.	- Chủ động, tích cực chuẩn bị bài, tham gia các hoạt động trong giờ học. - Thực hiện đạt ≥ 80% nhiệm vụ học tập được giao.
Thời gian tham dự buổi học bắt buộc	4,0	0 đến < 1,0	1,0 đến < 2,0	2,0 đến < 3,0	3,0 đến 4,0
		Dự < 80% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 80% - 89% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 90% - 94% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 95% - 100% số giờ lên lớp lý thuyết
Vào lớp học đúng giờ	1,0	0 đến < 0,25	0,25 đến < 0,5	0,5 đến < 0,75	0,75 đến 1,0
		Vào lớp muộn > 30% số buổi	Vào lớp muộn 20-30% số buổi	Vào lớp muộn (quá 15 phút) 10% số buổi	Luôn đi học đúng giờ

2. Rubric đánh giá bài tập nhóm hoặc thảo luận

Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt <4.0	Đạt 4.0-5.9	Khá 6.0-7.9	Tốt 8.0-10
Nội dung đầy đủ theo yêu cầu	4,0	0 đến < 1,0	1,0 đến < 2,0	2,0 đến < 3,0	3,0 đến 4,0
		Thiếu nhiều nội dung quan trọng	Tương đối đầy đủ, thiếu 1 nội dung quan trọng	Đầy đủ theo yêu cầu	Phong phú hơn yêu cầu
Lập luận có căn cứ khoa học và logic	1,0	0 đến < 0,25	0,25 đến < 0,5	0,5 đến < 0,75	0,75 đến 1,0
		Lập luận không có căn cứ khoa học và logic	Lập luận có chú ý đến áp dụng căn cứ khoa học, logic nhưng còn một vài sai sót quan trọng	Lập luận có căn cứ khoa học và logic nhưng còn một vài sai sót nhỏ	Lập luận có căn cứ khoa học và logic vững chắc
Trình bày báo cáo rõ ràng	2,0	0 đến < 0,5	0,5 đến < 1,0	1,0 đến < 1,5	1,5 đến 2,0
		Thiếu rõ ràng	Tương đối rõ ràng	Khá mạch lạc, rõ ràng	Mạch lạc, rõ ràng
Trả lời câu hỏi	2,0	0 đến < 0,5	0,5 đến < 1,0	1,0 đến < 1,5	1,5 đến 2,0

đầy đủ, thỏa đáng		Trả lời sai đa số các câu hỏi	Trả lời đúng đa số các câu hỏi, phần chưa nêu được định hướng phù hợp	Trả lời đúng đa số các câu hỏi và nêu được định hướng phù hợp đối với những câu hỏi chưa trả lời được.	Các câu hỏi được trả lời đầy đủ, rõ ràng và thỏa đáng
Nhóm phối hợp tốt, chia sẻ và hỗ trợ nhau trong khi báo cáo và trả lời	1,0	0 đến < 0,25	0,25 đến < 0,5	0,5 đến < 0,75	0,75 đến 1,0
		Không thể hiện sự kết nối trong nhóm	Nhóm ít phối hợp trong khi báo cáo và trả lời	Nhóm có phối hợp khi báo cáo và trả lời nhưng còn vài chỗ chưa đồng bộ.	Nhóm phối hợp tốt, thực sự chia sẻ, hỗ trợ nhau trong khi báo cáo và trả lời

3. Rubric đánh giá thuyết trình

Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt <4.0	Đạt 4.0-5.9	Khá 6.0-7.9	Tốt 8.0-10
Nội dung thuyết trình phù hợp, cấu trúc logic	5,0	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Nội dung không phù hợp, cấu trúc không logic hoặc quá sơ sài	Nội dung phù hợp nhưng cấu trúc còn sơ sài	Nội dung phù hợp và tiêu biểu, cấu trúc rõ ràng đảm bảo logic của vấn đề	Nội dung có tính thực tiễn cao, cấu trúc logic, khoa học và chi tiết
Hình thức trình bày đẹp	1,0	0 đến < 0,25	0,25 đến < 0,5	0,5 đến < 0,75	0,75 đến 1,0
		Không chuẩn bị báo cáo bằng powerpoint,	Đã chuẩn bị báo cáo ppt song thiết kế chưa đảm bảo tính khoa học, trực quan,	Thiết kế đẹp, trực quan nhưng chưa đảm bảo tính khoa học (còn nhiều kênh chữ)	Thiết kế đẹp, trực quan, sơ đồ hóa nhiều nội dung đảm bảo tính khoa học
Kỹ năng thuyết trình 1. Khả năng giao tiếp bằng mắt và ngôn ngữ cơ thể	1,0	0 đến < 0,4	0,4 đến 0,6	0,6 đến 0,8	0,8 đến 1,0
		Không có sự giao tiếp mắt với khán giả, chỉ đọc toàn bộ ghi chép của báo cáo	Có giao tiếp bằng mắt với khán giả. Có ít sự di chuyển hoặc cử chỉ mô tả	Thường xuyên có sự giao tiếp mắt với khán giả nhưng còn nhìn đọc. Có di chuyển và một số cử chỉ hỗ trợ lời nói	Lôi cuốn khán giả bằng giao tiếp mắt, hiếm khi nhìn ghi chép. Có di chuyển nhịp nhàng giúp khán giả dễ tiếp nhận

Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt <4.0	Đạt 4.0-5.9	Khá 6.0-7.9	Tốt 8.0-10
Nội dung	5,0	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
	2. Sự tự tin	1,0	0 đến < 0,4	0,4 đến 0,6	0,6 đến 0,8
			Sự căng thẳng được trông thấy rõ ràng, gặp khó khăn trong việc sửa lỗi	Hơi căng thẳng, gặp khó khăn trong việc khắc phục lỗi sai	Phạm lỗi nhỏ, nhưng khắc phục nhanh chóng, hầu như không bị căng thẳng
Trả lời câu hỏi	2,0	0 đến < 0,5	0,5 đến < 1,0	1,0 đến < 1,5	1,5 đến 2,0
		Có kiến thức chưa đầy đủ về đề tài thuyết trình. Khán giả không hiểu	Có kiến thức khá đầy đủ về đề tài thuyết trình và đáp ứng một phần yêu cầu	Có kiến thức đầy đủ về đề tài thuyết trình và đáp ứng được mỗi yêu cầu	Có kiến thức khá sâu rộng về đề tài thuyết trình và có đào sâu trong mỗi yêu cầu

4. Rubric đánh giá vấn đáp

Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt <4.0	Đạt 4.0-5.9	Khá 6.0-7.9	Tốt 8.0-10
Trả lời nội dung câu hỏi	5,0	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Không trả lời được đa số câu hỏi đặt đúng	Trả lời đúng đa số câu hỏi nhưng chưa nêu được định hướng phù hợp đối với những câu hỏi chưa trả lời được	Trả lời đúng đa số câu hỏi đặt đúng và nêu được định hướng phù hợp đối với những câu hỏi chưa trả lời	Các câu hỏi đặt đúng đều được trả lời đầy đủ, rõ ràng và thỏa đáng
Tương tác cử chỉ	3,0	0 đến < 1,0	1,0 đến < 1,75	1,75 đến < 2,25	2,25 đến 3,0
		Không tương tác bằng mắt và cử chỉ	Có tương tác bằng mắt, cử chỉ nhưng chưa tốt	Tương tác bằng mắt và cử chỉ khá tốt	Tương tác bằng mắt, cử chỉ tốt
Quản lý thời gian	2,0	0 đến < 0,5	0,5 đến < 1,0	1,0 đến < 1,5	1,5 đến 2,0
		Quá giờ	Hoàn thành đúng thời gian, không linh hoạt theo tình huống	Hoàn toàn đúng thời gian, thỉnh thoảng có linh hoạt điều chỉnh theo tình huống	Làm chủ thời gian và hoàn toàn linh hoạt điều chỉnh theo tình huống

